

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NA SANG**

Số: 1083b/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Na Sang, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA SANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị Quyết số 32/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, cơ quan Đảng, cơ quan UBMT tổ quốc với nội dung chi tiết tại các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, cơ quan Đảng, cơ quan UBMT tổ quốc chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương, đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ sau:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2025 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách xã, phường (không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương) dự toán năm 2026 so với dự toán năm 2025; Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang năm 2026 (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách các xã, phường (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chỉ cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng để chỉ đầu tư theo quy định; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất

công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

Chủ động cân đối, bố trí, giao dự toán ngân sách để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội theo quy định hiện hành. Căn cứ kết quả thực hiện các cơ quan, đơn vị, cơ quan Đảng, cơ quan UBMT tổ quốc báo cáo gửi phòng Kinh tế để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí theo chế độ, chính sách theo quy định.

Điều 3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách địa phương được giao, các cơ quan, đơn vị, cơ quan Đảng, cơ quan UBMT tổ quốc, tổ chức thực hiện thu, chi ngân sách theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế,, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cơ quan Đảng, cơ quan UBMT tổ quốc, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài Chính (b/c);
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng giao dịch số 1 - Kho bạc nhà nước khu vực X (phối hợp);
- Thuế cơ sở 4, tỉnh Điện Biên (phối hợp)
- Như điều 4;
- Lưu: VT.



BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1083b/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ (Mã ĐVQHNS 1130224)

ĐVT: Tr.đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					18.876
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					18.859
1	Chi thường xuyên (1)	822	070	072	13	13.912
2	Chi không thường xuyên					4.947
2.1	Chính sách theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	822	070	072	12	926
-	Hỗ trợ chi phí học tập					926
2.2	H.trợ HS bán trú, trường PTDT bán trú theo NĐ 66/2025/NĐ-CP	822	070	072	12	3.494
-	Hỗ trợ tiền ăn, tiền dụng cụ học tập, tiền dụng cụ thể thao, tiền thuốc, tiền hỗ trợ nấu ăn, tiền hỗ trợ nhà ở (NSTW)					3.254
-	Hỗ trợ tiền điện, nước; tiền quản lý buổi trưa; tiền quản lý HSBT (NSDP)					240
2.3	Chính sách giáo dục với người khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH- BTC	822	070	072	12	74
2.5	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ- CP	822	070	072	18	453
II	Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					17
1	Chi thường xuyên	822	100	103	13	17

Ghi chú: (1)

- Đã trừ 10% CCTL số tiền: 30 triệu đồng;

- Đã bao gồm kinh phí hoạt động đảng theo Quyết định 99/QĐ-TTg số tiền: 9 triệu đồng